TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH XUYÊN** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 32/2019/QĐST – HNGĐ	*Bình Xuyên, ngày 26 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ các Điều 212, 213 và 396 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 74/2019/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn thỏa thuận việc nuôi con của người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1981 và anh Lê Văn T, sinh năm 1978; đều có địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

Căn cứ vào biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và biên bản thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con ngày 17 tháng 4 năm 2019 của Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án nhân dân huyện B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị V và anh Lê Văn T thể hiện trong Biên bản thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con do Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án nhân dân huyện B lập ngày 17 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[2] Do các bên không yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản nên Tòa không xem xét.

[3] Về lệ phí: Các bên thỏa thuận chị Nguyễn Thị V chịu toàn bộ.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị V và anh Lê Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị V được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Lê Thị Hằng L, sinh ngày 02 tháng 01 năm 2002. Anh Lê Văn T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Lê Anh C, sinh ngày 18 tháng 12 năm 2005. Hai

bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về lệ phí Tòa án: chị Nguyễn Thị V chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2017/0003369 ngày 17 tháng 4 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B; chị Nguyễn Thị V đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã B;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Lê Anh Vũ